

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC BÀI KIỂM TRA - HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 - 2025

KHỐI 8

Thời gian		Ngữ văn	Lịch sử và Địa lý	Giáo dục Công dân	Tiếng Anh	Toán	Khoa học tự nhiên	Công nghệ	Tin học	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	Hoạt động trải nghiệm
Tuần học	Từ ngày .. đến ngày												
1	05/9-14/9	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)		ĐGTX-L1 Hoạt động nhóm + LMS (Cả học kỳ)	ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)		ĐGTX-L1 Quá trình (Cả Học kỳ)				
2	16/9-21/6												
3	23/9-28/9							ĐGTX-L1 Viết (100% TN)		ĐGTX-L1 (Mĩ thuật) (Thực hành)			
4	30/9-05/10	ĐGTX-L2 Viết (TN:TL = 5:5)		KTTX1 Thực hành	ĐGTX-L2 Viết (TN:TL = 7:3)	ĐGTX-L2 Viết (TN:TL = 3:7)	ĐGTX-L2 Viết (TN:TL = 4:6)						
5	07/10-12/10		ĐGTX-L2 Viết (100% TN)							ĐGTX-L2 Viết (100% TN)	ĐGTX-L2 (Âm nhạc) (Thực hành)	ĐGTX-L1 Thực hành	
6	14/10-19/10							ĐGTX-L2 Thực hành				ĐGTX-L1 Viết (100% TN)	
7	21/10-26/10				KTTX-L3 Viết (TN:TL = 7:3)	ĐGTX-L3 Viết (TN:TL = 3:7)							
8	28/10-02/11	ĐGTX-L3 Viết (TN:TL = 5:5)		KTTX 2 Sản phẩm học tập									ĐGTX-L1 Đánh giá quá trình học tập
9	04/11-09/11	Kiểm tra giữa kỳ (dự kiến) <i>(Hình thức kiểm tra sẽ được thông báo trong tuần 7 - Học kỳ I)</i>											
10	11/11-16/11												
11	18/11-23/11		ĐGTX-L3 Sản phẩm học tập				ĐGTX-L3 Sản phẩm học tập						
12	25/11-30/11	ĐGTX-L4 Thuyết trình			ĐGTX-L4 Viết (TN:TL = 7:3)	ĐGTX-L4 Viết (TN 30% - TL 70%)		ĐGTX-L3 Viết (100% TL)			ĐGTX-L2 Thực hành		ĐGTX-L2 Đánh giá quá trình học tập
13	02/12-07/12		ĐGTX-L4 Viết (100% TN)				ĐGTX-L4 Thực hành					ĐGTX-L2 Viết (100% TN)	

Thời gian		Ngữ văn	Lịch sử và Địa lý	Giáo dục Công dân	Tiếng Anh	Toán	Khoa học tự nhiên	Công nghệ	Tin học	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	Hoạt động trải nghiệm
Tuần học	Từ ngày .. đến ngày												
14	09/12-14/12												
15	16/12-21/12	Kiểm tra cuối kỳ (Thời gian và (Hình thức kiểm tra theo hướng dẫn của Phòng GD&ĐT)											
16	23/12-28/12												
17	30/12-04/01												
18	06/01-11/01												

Số điểm đánh giá trong học kỳ 1 của các môn học

STT	Môn học	Số tiết/năm	Số điểm ĐGTX	Số điểm ĐGGK	Số điểm ĐGCK
1	Ngữ văn	140	4	1	1
2	Lịch sử và Địa lý	105	4	1	1
3	Giáo dục Công dân	35	2	1	1
4	Tiếng Anh	105	4	1	1
5	Toán	140	4	1	1
6	Khoa học tự nhiên	140	4	1	1
7	Công nghệ	52,5	3	1	1
8	Tin học	35	2	1	1
9	Nghệ thuật	70	2	1	1
10	Giáo dục thể chất	70	2	1	1
11	Giáo dục địa phương	35	2	1	1
12	Hoạt động trải nghiệm	105	2 (đánh giá sản phẩm, quá trình)	1 (đánh giá sản phẩm, quá trình)	1 (đánh giá sản phẩm, quá trình)

Ghi chú: ĐGTX: Đánh giá thường xuyên

ĐGGK: Đánh giá giữa kỳ

ĐGCK: Đánh giá cuối kỳ

TN: Trắc nghiệm

TL: Tự luận

L1; L2; L3; L4: Lần 1, Lần 2, Lần 3, Lần 4

Tỉ lệ 5:5 là tỉ lệ điểm của trắc nghiệm và tự luận